CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2024

CTCP Thương mại & Khai thác khoáng sản Dương Hiếu

Ngày 30/09/2024	8,700 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-0.6%	**-6.5%**	**-**

DT thuần
Q3/24
537
tỷ VNĐ
QoQ: ▼558| -50.9%
YoY: ▼463| -46.3%

LN thuần
Q3/24
0.33
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.72| -68.3%
YoY: ▼1.13| -77.2%

LN sau thuế
Q3/24
0.22
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.44| -66.4%
YoY: ▼0.90| -80.2%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/24
1.3%
YoY: +/-▲ 0.4%

ROE (TTM)
Q3/24
2.0%
YoY: +/-▼ 0.3%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	7,120 - 10,900
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	273
Số lượng CPLH (CP)	31,396,180
KLGD BQ 20 phiên (CP)	160,835
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	0.44
EPS	229
P/E	38.0

DT thuần
9T 2024
2,609
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 512| 24.4%

LN thuần
9T 2024
4.83
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.97| 68.7%

LN sau thuế
9T 2024
3.64
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.20| 49.3%

Cơ cấu sở hữu

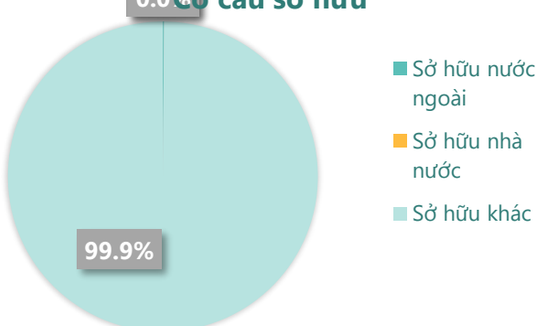

(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá

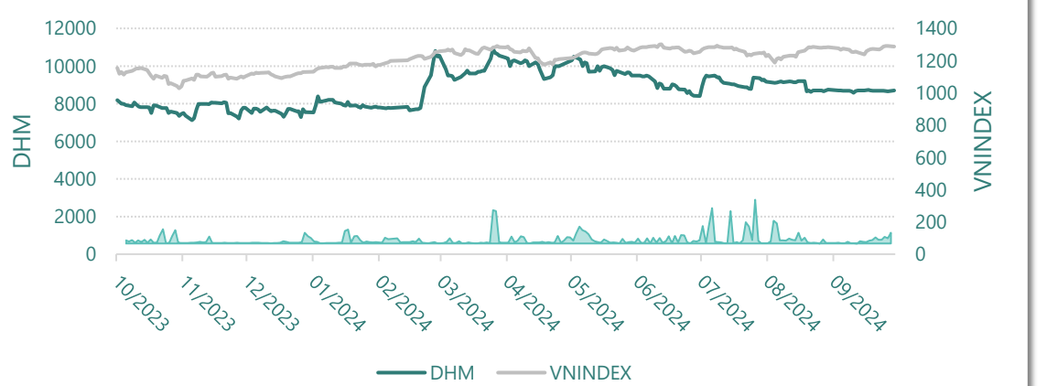

Cơ cấu cổ đông

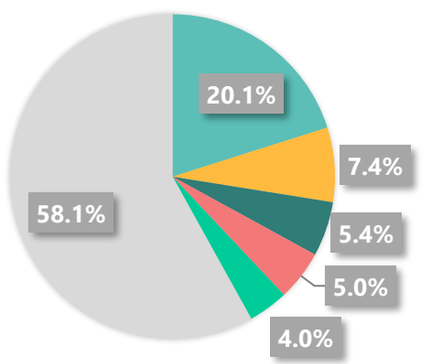

- Nguyễn Thị Dung (Tổng giám đốc)
- Trịnh Gia Tùng
- Trương Quang Thắng
- Lê Thanh Tuấn
- CTCP Thương mại và Xuất - nhập khẩu Hưng Nhật
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp

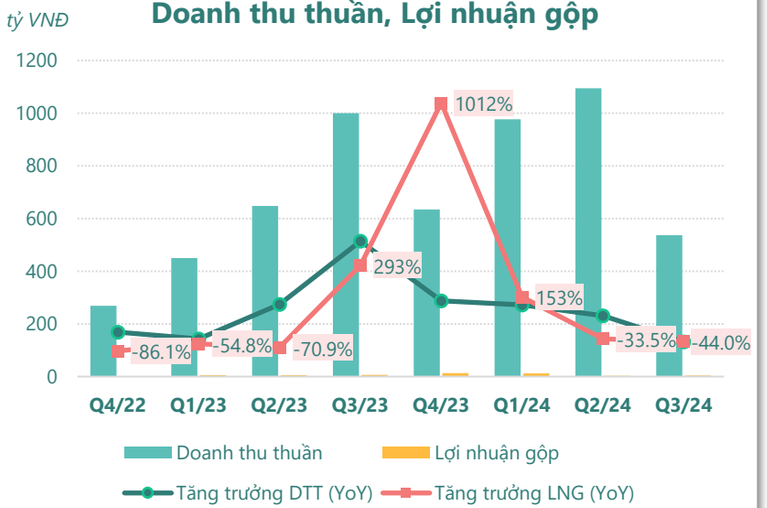

(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận

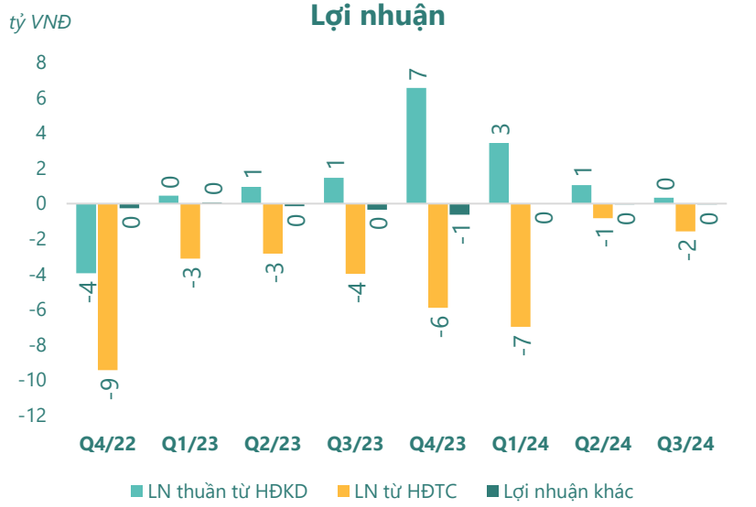

(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí

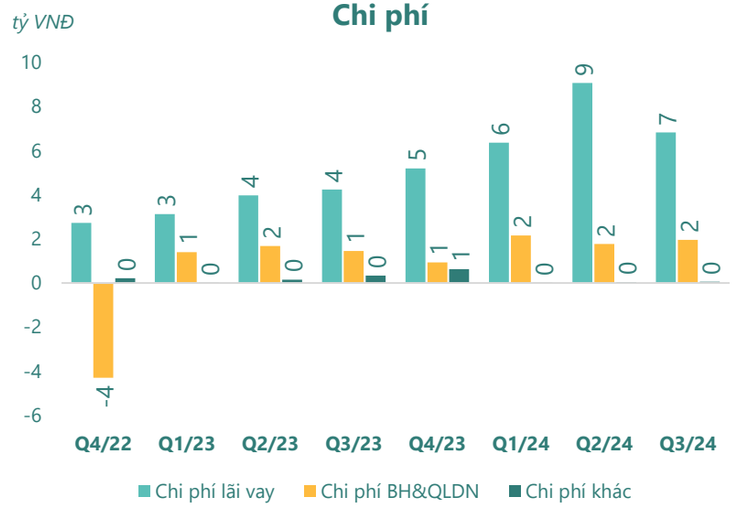

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận

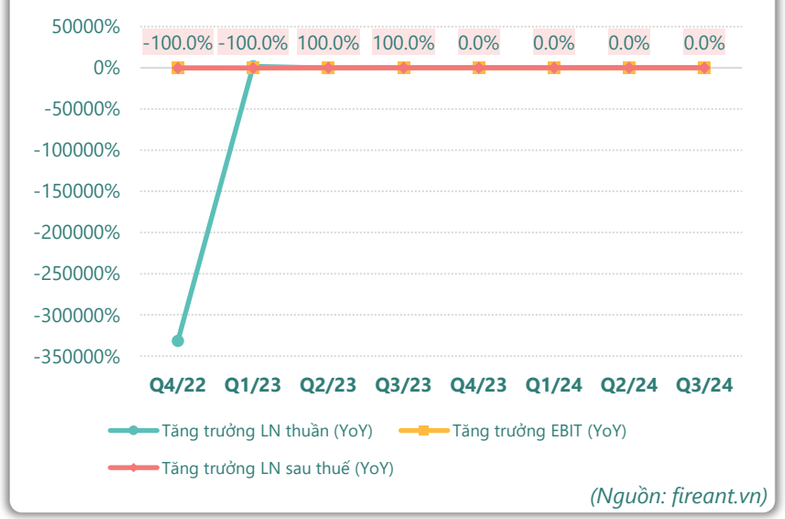

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

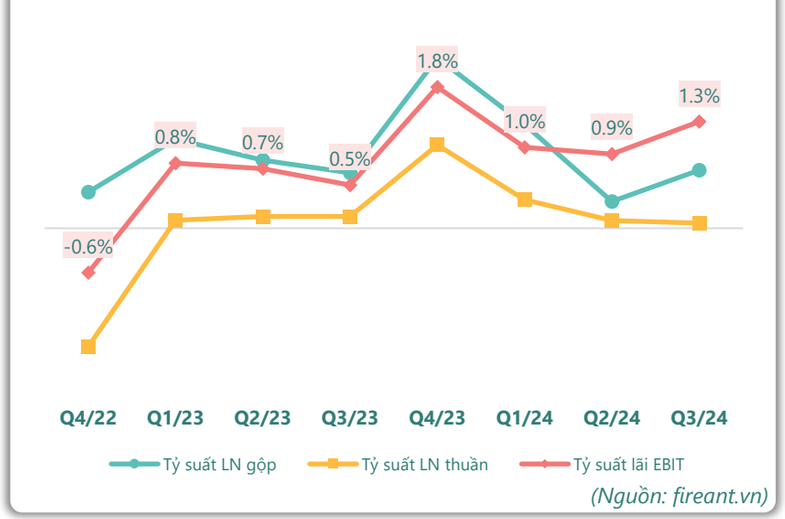

(Nguồn: fireant.vn)

Cổ tức

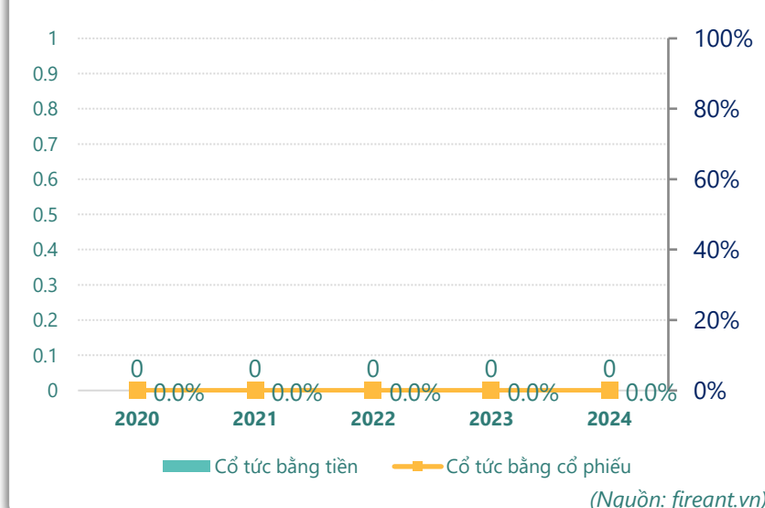

(Nguồn: fireant.vn)

TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

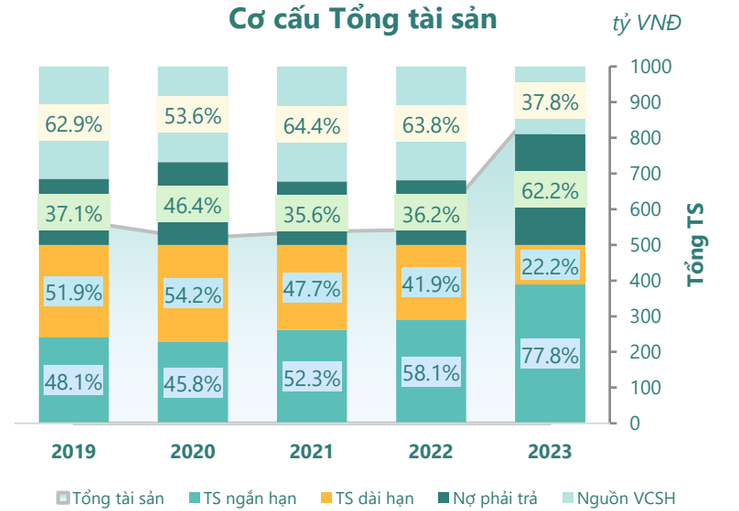

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

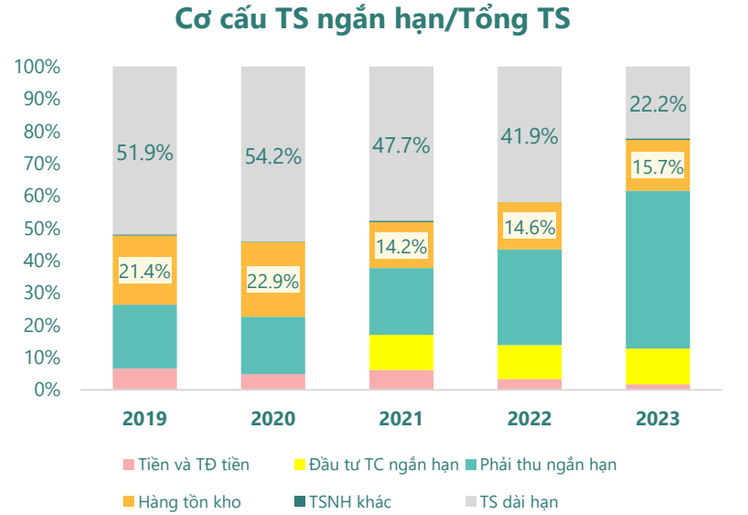

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

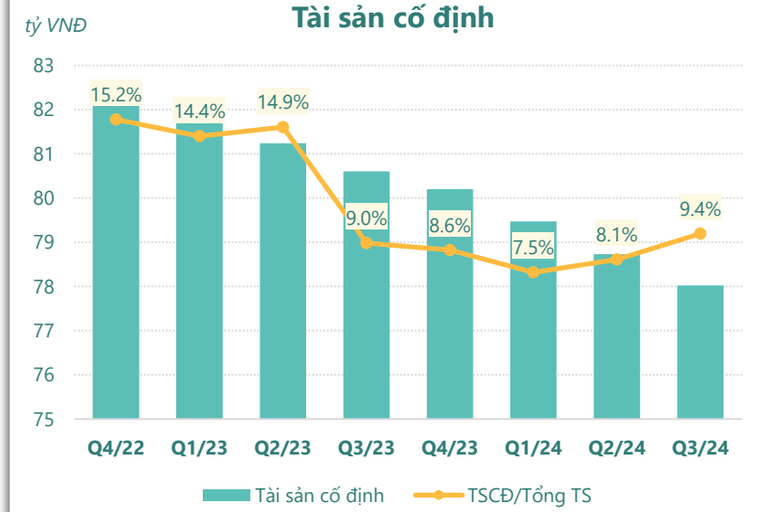

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

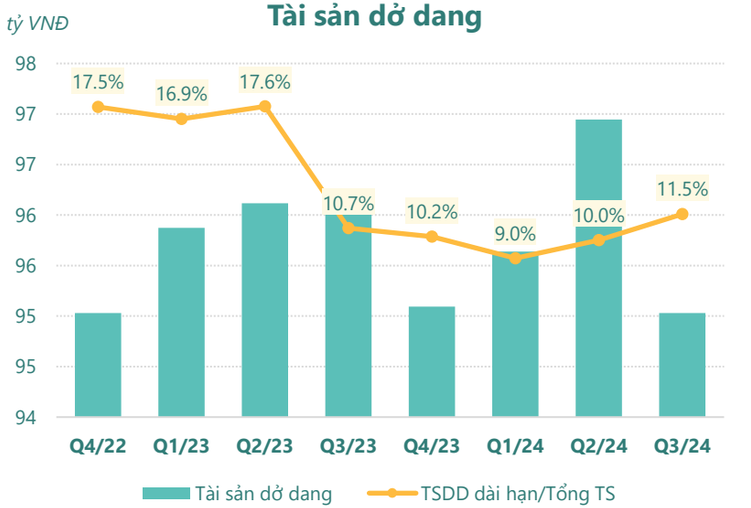

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

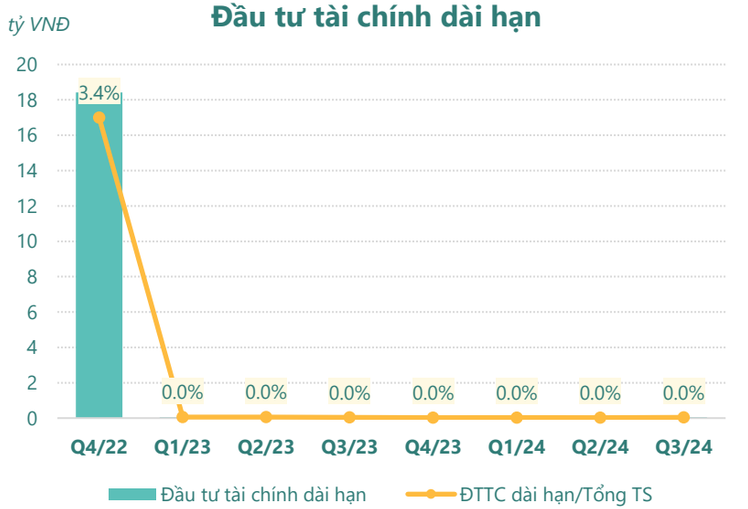

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

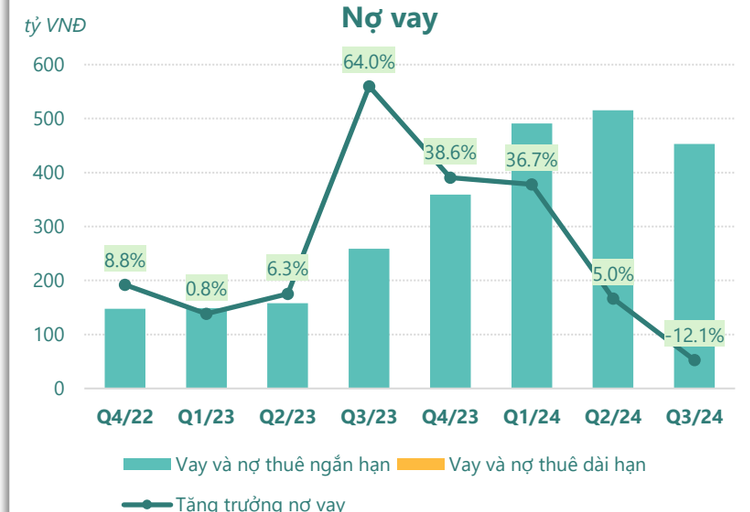

(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH

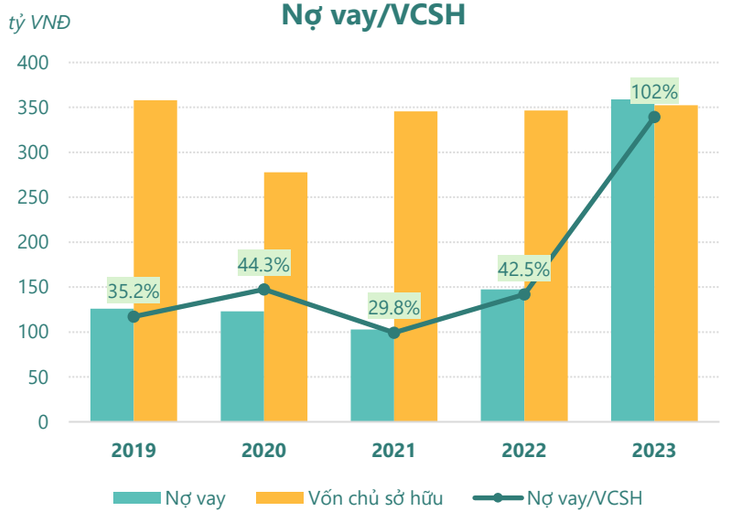

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

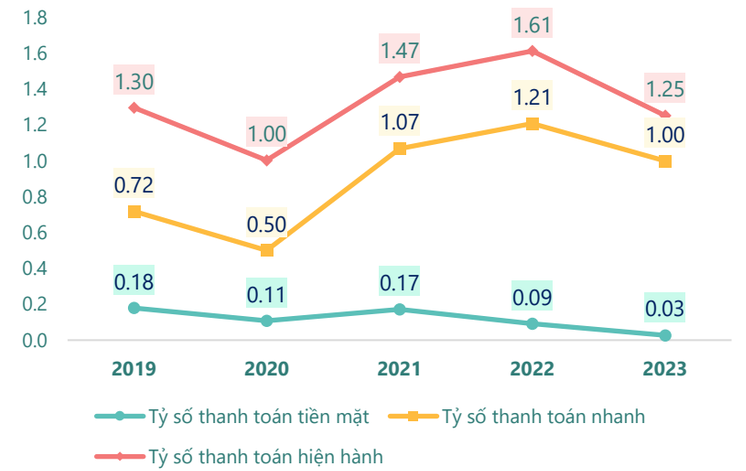

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

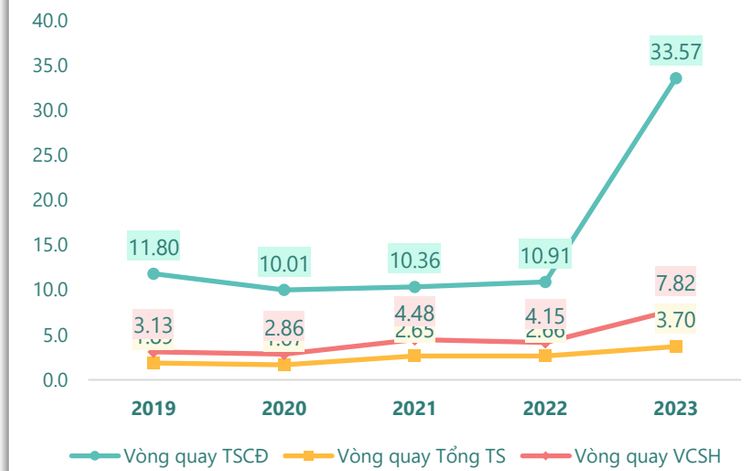

(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay

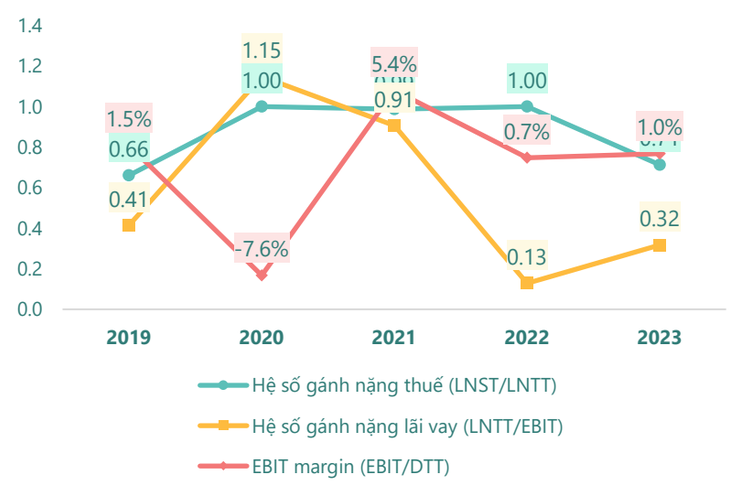

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE

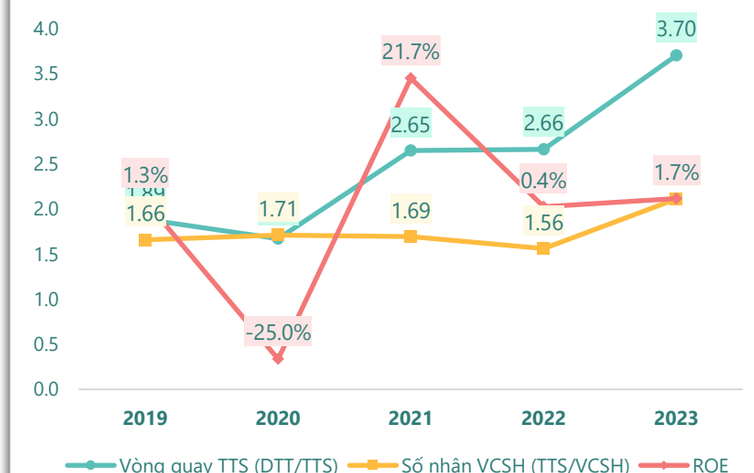

(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn

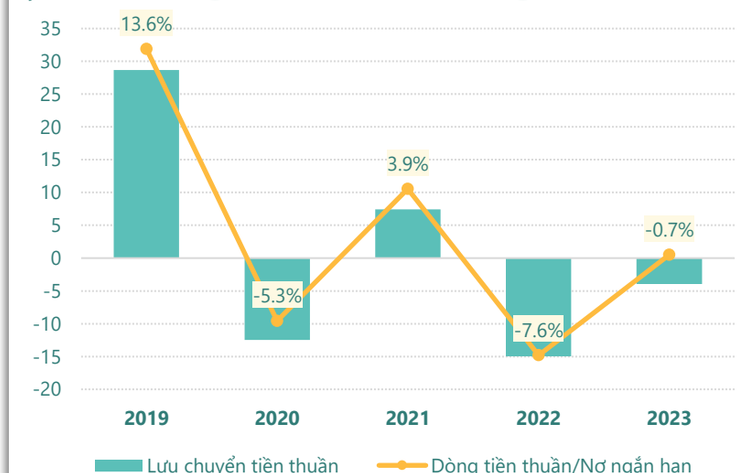

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q3/23	Thay đổi YoY	9T 2024	9T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**537**	**1,000**	**-46.3%**	**2,609**	**2,097**	**24.4%**
Giá vốn hàng bán	533	993	-46.3%	2,589	2,080	24.5%
Lợi nhuận gộp	3.86	6.89	-43.9%	20.1	17.3	15.9%
Doanh thu HĐTC	5.25	0.07	7405%	10.1	1.29	683%
Chi phí TC	6.82	4.04	68.9%	19.5	11.2	73.3%
Chi phí lãi vay	6.82	4.24	60.9%	22.3	11.3	96.2%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.33	0.16	109%	1.06	0.74	43.5%
Chi phí QLDN	**1.63**	**1.30**	**25.2%**	**4.82**	**3.79**	**27.0%**
LN thuần từ HĐKD	0.33	1.46	-77.2%	4.83	2.86	68.7%
Lợi nhuận khác	**-0.05**	**-0.34**	**83.9%**	**-0.10**	**-0.43**	**76.3%**
LN trước thuế	0.28	1.12	-75.2%	4.73	2.44	94.0%
Lợi nhuận sau thuế	**0.22**	**1.12**	**-80.2%**	**3.64**	**2.44**	**49.3%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.22**	**1.12**	**-80.2%**	**3.64**	**2.44**	**49.3%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-40.9	-110	-27.5	-121	-8.74	127
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	36.3	2.91	-69.4	0	-24.5	-61.1
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	5.58	105	99.9	120	36.5	-62.5
Tiền đầu kỳ	13.4	14.8	12.1	15.6	14.8	20.7
Lưu chuyển tiền thuần	**1.04**	**-2.29**	**3.08**	**-0.89**	**3.29**	**3.21**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.44	-0.44	0	0	2.69	-2.69
Tiền cuối kỳ	14.8	12.1	15.2	14.8	20.7	21.3

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**827**	**932**	**-11.3%**
Tài sản ngắn hạn	564	725	-22.3%
Tiền và tương đương tiền	21.3	15.6	35.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	140	103	35.9%
Phải thu ngắn hạn	335	455	-26.4%
Hàng tồn kho	66.8	146	-54.4%
Tài sản ngắn hạn khác	0.21	4.66	-95.5%
Tài sản dài hạn	**264**	**207**	**27.5%**
Phải thu dài hạn	0	0.04	-100%
Tài sản cố định	78.0	80.2	-2.7%
Bất động sản đầu tư	89.5	30.6	192%
Tài sản dở dang	95.0	95.1	-0.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	0.06	0.06	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**1.25**	**0.99**	**26.6%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	471	580	-18.7%
Nợ ngắn hạn	**471**	**579**	**-18.6%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	453	359	26.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	13.5	113	-88.1%
Nợ dài hạn	0	1.00	-100%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**356**	**352**	**1.0%**
Vốn chủ sở hữu	**356**	**352**	**1.0%**
Vốn điều lệ	314	314	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)